

Số: 402/CPNT2-SK&QHCD

Nhon Trach, ngày 30 tháng 6 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán TPHCM

1. Tên Công ty : Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
2. Mã chứng khoán : NT2
3. Địa chỉ trụ sở chính: Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.
4. Điện thoại : (0251) 2225.899 Fax: (0251) 2225.897
5. Người thực hiện CBTT: Trịnh Quốc Thắng
6. Loại thông tin công bố: ☒ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ
7. Nội dung thông tin công bố: Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn (đính kèm).
8. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 vào ngày 30/6/2018 tại địa chỉ:  
<http://www.pvpnt2.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- BGĐ;
- BKS;
- Lưu VT; SK&QHCD.

**Đính kèm:**

- Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



**Trịnh Quốc Thắng**

Số: 23/CPNT2-BB-ĐHĐCĐ

Nhơn Trạch, ngày 30 tháng 6 năm 2018

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT BẢNG VĂN BẢN CỦA ĐHĐCĐ  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

**V/v: Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;  
Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh.**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2) được sửa đổi lần thứ X, ban hành ngày 26/12/2017 theo Quyết định số 68/QĐ-CPNT2 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về việc hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-CPNT2 ngày 31/5/2018 của Hội đồng quản trị PVPower NT2 về việc Chốt danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

Căn cứ Tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông số 41/TTr-CPNT2-HĐQT ngày 20/6/2018 của Hội đồng quản trị PVPower NT2,

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY:**

- Tên công ty: Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Trụ sở chính: Trung tâm Điện lực Dầu khí, Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3600897316.
- Ngày cấp lần đầu: 20/06/2007; Ngày thay đổi lần XII: 31/5/2018
- Nơi đăng ký kinh doanh: Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Nai.

**II. MỤC ĐÍCH VÀ CÁC VẤN ĐỀ LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG:**

**(i) Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối lũy kế từ ngày 20/6/2007 đến 31/12/2015 của PVPower NT2; (ii) Chủ trương thực hiện ký kết và nội dung hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch.**

Thực hiện các Nghị quyết số 10/NQ-CPNT2 ngày 31/5/2018 của Hội đồng quản trị về việc Thông qua chủ trương Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối lũy kế từ ngày 20/6/2007 đến 31/12/2015 của PVPower NT2 và Nghị quyết số 11/NQ-CPNT2 ngày 31/5/2018 của Hội đồng quản trị về việc Thông qua chủ trương thực hiện thế chấp tài sản bảo đảm cho các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2,

PVPower NT2 đã tiến hành gửi thư lấy ý kiến đến cổ đông từ ngày 20/6/2018 theo danh sách cổ đông được chốt ngày 19/6/2018. Nội dung thư gửi đi bao gồm:

- Tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông số 41/TTr-CPNT2-HĐQT ngày 20/6/2018 của Hội đồng quản trị PVPower NT2.
- Phiếu xin ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Sau khi hết thời hạn lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (12h00 ngày 30/6/2018), hôm nay ngày 30/6/2018, tại trụ sở PVPower NT2 – Trung tâm điện lực Dầu khí Nhơn Trạch, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Ban kiểm phiếu của Công ty đã tiến hành kiểm phiếu và tổng hợp số liệu kết quả kiểm phiếu

### **III. THÀNH PHẦN BAN KIỂM PHIẾU:**

1. Ông Uông Ngọc Hải: Chủ tịch HĐQT. - Trưởng ban kiểm phiếu
2. Ông Ngô Đức Nhân: Giám đốc Công ty Người đại diện theo pháp luật của Công ty
3. Ông Lê Minh Phúc: Trợ lý Chủ tịch HĐQT - Thành viên ban kiểm phiếu
4. Ông Nguyễn Hữu Minh: Trưởng ban Kiểm soát - Giám sát kiểm phiếu

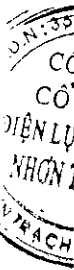
### **IV. CÔNG TÁC KIỂM PHIẾU:**

#### **1. Nguyên tắc kiểm phiếu:**

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ trong các trường hợp sau:
  - (i) Không đánh dấu vào ô nào hoặc đánh dấu vào nhiều hơn 01 ô đối với mỗi nội dung;
  - (ii) Không có chữ ký (đối với cổ đông/người được ủy quyền cá nhân); không có chữ ký của Người đại diện hợp pháp và đóng dấu (đối với cổ đông/bên nhận ủy quyền là tổ chức);
  - (iii) Phiếu bị tẩy xóa, đánh dấu thêm ký hiệu;
  - (iv) Gửi về Công ty sau 12h00 ngày 30/6/2018.
- Các phiếu lấy ý kiến cổ đông đã được gửi đến cổ đông nhưng bị hoàn trả về do địa chỉ cổ đông đăng ký không chính xác thì được coi là phiếu không phản hồi.
- Phiếu lấy ý kiến không phản hồi được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

#### **2. Nội dung kiểm phiếu:**

- Tổng số phiếu xin ý kiến cổ đông đã phát hành: 2.726 phiếu (theo danh sách người sở hữu chứng khoán PVPower NT2 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM chốt ngày 19/6/2018), tương ứng với 2.726 cổ đông (trong đó: 134 cổ đông tổ chức và 2.592 cổ đông cá nhân), sở hữu 287.876.029 cổ phần – chiếm đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu xin ý kiến cổ đông gửi ý kiến về Công ty (tính đến 12.00 giờ ngày 30/6/2018): 158 phiếu, đại diện 235.548.899 cổ phần, chiếm tỷ lệ 81,82% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó:



- + Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 158 phiếu, chiếm tỷ lệ 81,82% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- Tổng số Phiếu xin ý kiến cổ đông Công ty không nhận được tính đến 12h00 ngày 30/6/2018 (Do địa chỉ của cổ đông không rõ ràng, hoặc cổ đông thay đổi địa chỉ dẫn đến không nhận được phiếu hoặc cổ đông nhận phiếu nhưng không gửi ý kiến): 2.568 phiếu, đại diện 52.327.130 cổ phần, chiếm tỷ lệ 18,18% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

### 3. Kết quả kiểm phiếu:

#### 3.1 Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối lũy kế từ ngày 20/6/2007 đến 31/12/2015 của PVPower NT2

| TT | Nội dung                           | Số phiếu     | Số cổ phần<br>biểu quyết | Tỷ lệ          |
|----|------------------------------------|--------------|--------------------------|----------------|
| 1  | Phiếu biểu quyết “Tán thành”       | 158          | 235.548.899              | 81,82%         |
| 2  | Phiếu biểu quyết “Không tán thành” | 0            | 0                        | 0%             |
| 3  | Phiếu biểu quyết “Không có ý kiến” | 0            | 0                        | 0%             |
| 4  | Phiếu không hợp lệ                 | 0            | 0                        | 0%             |
| 5  | Không gửi Phiếu biểu quyết         | 2.568        | 52.327.130               | 18,18%         |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>                   | <b>2.726</b> | <b>287.876.029</b>       | <b>100,00%</b> |

NG TY  
PHÂN  
CÁNH  
RACH 2  
T. ĐÓN

#### 3.2 Chủ trương thực hiện ký kết và nội dung hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo cho các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch

| TT | Nội dung                           | Số phiếu     | Số cổ phần<br>biểu quyết | Tỷ lệ          |
|----|------------------------------------|--------------|--------------------------|----------------|
| 1  | Phiếu biểu quyết “Tán thành”       | 143          | 231.908.541              | 80,56%         |
| 2  | Phiếu biểu quyết “Không tán thành” | 9            | 3.582.195                | 1,24%          |
| 3  | Phiếu biểu quyết “Không có ý kiến” | 6            | 58.163                   | 0,02%          |
| 4  | Phiếu không hợp lệ                 | 0            | 0                        | 0%             |
| 5  | Không gửi Phiếu biểu quyết         | 2.568        | 52.327.130               | 18,18%         |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>                   | <b>2.726</b> | <b>287.876.029</b>       | <b>100,00%</b> |

(Chi tiết như Bảng tổng hợp kết quả ý kiến biểu quyết bằng văn bản của cổ đông đính kèm)

**Kết luận:**

Với tỷ lệ biểu quyết “Tán thành” đối với các nội dung được xin ý kiến như trên, căn cứ Khoản 8 Điều 21 Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVPower NT2 được sửa đổi lần X: Đại hội đồng cổ đông PVPower NT2 đã thông qua các nội dung: (i) **Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối lũy kế từ ngày 20/6/2007 đến 31/12/2015 của PVPower NT2;** (ii) **Chủ trương thực hiện ký kết và nội dung hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo cho các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch** với nội dung như nêu tại Tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông số 41/TTr-CPNT2-HĐQT ngày 20/6/2018 của Hội đồng quản trị PVPower NT2.

Đại hội đồng cổ đông giao Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết/Quyết định thông qua các nội dung trên và triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

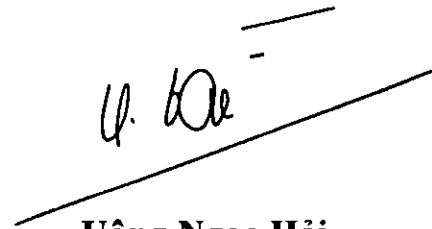
Biên bản kiểm phiếu biểu quyết này được lập thành 02 bản và sẽ được thông báo đến tất cả các cổ đông.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
GIÁM ĐỐC**



**Ngô Đức Nhân**

**TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Uông Ngọc Hải**



**GIÁM SÁT BAN KIỂM PHIẾU  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



**Nguyễn Hữu Minh**

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU  
TRỢ LÝ CHỦ TỊCH HĐQT**



**Lê Minh Phúc**

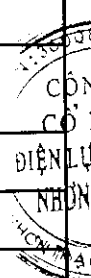
## BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHIẾU LẤY Ý KIẾN BIỂU QUYẾT BẢNG VĂN BẢN CỦA CỔ ĐÔNG

### NỘI DUNG:

1. Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế từ ngày 20/06/2007 đến 31/12/2015 của PVPower NT2
2. Thực hiện ký kết và nội dung Hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo cho các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

| STT | Mã<br>CĐ | TÊN CỔ ĐÔNG                                               | SỐ CỔ<br>PHIẾU CÓ<br>QUYỀN<br>BIỂU<br>QUYẾT | KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT |                    |                    |            |                    |                    |
|-----|----------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|------------|--------------------|--------------------|
|     |          |                                                           |                                             | NỘI DUNG 1         |                    |                    | NỘI DUNG 2 |                    |                    |
|     |          |                                                           |                                             | Tán thành          | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành  | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến |
| 1   | 1        | Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam | 170,926,080                                 | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 2   | 2        | Công Ty TNHH Phát Triển Công Nghệ                         | 23,796,115                                  | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 3   | 4        | Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ A&A Việt Nam             | 4,388,883                                   | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 4   | 3        | Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3    | 7,121,920                                   | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 5   | 2645     | PANAH MASTER FUND                                         | 4,800,000                                   | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 6   | 2644     | APOLLO ASIA FUND LTD.                                     | 9,047,780                                   | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 7   | 2646     | VANECK VECTORS ETF TRUST- VANECK VECTORS VIETNAM ETF      | 4,318,869                                   | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 8   | 2651     | Global Macro Absolute Return Advantage Portfolio          | 1,590,240                                   | X                  |                    |                    |            | X                  |                    |
| 9   | 2657     | GLOBAL MACRO PORTFOLIO                                    | 882,000                                     | X                  |                    |                    |            | X                  |                    |
| 10  | 2661     | UPS GROUP TRUST                                           | 667,600                                     | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |

| STT | Mã<br>CD | TÊN CỔ ĐÔNG                                                 | SỐ CỔ<br>PHIẾU CÓ<br>QUYỀN<br>BIỂU<br>QUYẾT | KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT |                    |                    |            |                    |                    |
|-----|----------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|------------|--------------------|--------------------|
|     |          |                                                             |                                             | NỘI DUNG 1         |                    |                    | NỘI DUNG 2 |                    |                    |
|     |          |                                                             |                                             | Tán thành          | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành  | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến |
| 11  | 2662     | ACADIAN FRONTIER MARKETS EQUITY FUND                        | 626,938                                     | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 12  | 2664     | CIM INVESTMENT FUND ICAV                                    | 600,000                                     | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 13  | 2671     | LSV FRONTIER MARKETS EQUITY FUND, LP                        | 358,600                                     | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 14  | 2672     | DAIWA VIETNAM STOCK MOTHER FUND                             | 343,690                                     | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 15  | 2673     | PACIFIC SELECT FUND - GLOBAL ABSOLUTE RETURN PORTFOLIO      | 303,200                                     | X                  |                    |                    |            | X                  |                    |
| 16  | 2677     | DIAM VIETNAM EQUITY FUND                                    | 289,650                                     | X                  |                    |                    |            | X                  |                    |
| 17  | 2681     | INDOCHINA EQUITY MOTHER FUND                                | 200,867                                     | X                  |                    |                    |            | X                  |                    |
| 18  | 2683     | TRG Emerging Frontier Equities Master Fund, Ltd.            | 173,970                                     | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 19  | 2688     | JNL/EATON VANCE GLOBAL MACRO ABSOLUTE RETURN ADVANTAGE FUND | 126,600                                     | X                  |                    |                    |            | X                  |                    |
| 20  | 2691     | PENSION RESERVES INVESTMENT TRUST FUND                      | 107,898                                     | X                  |                    |                    |            | X                  |                    |
| 21  | 2695     | GLOBAL MACRO CAPITAL OPPORTUNITIES PORTFOLIO                | 61,900                                      | X                  |                    |                    |            | X                  |                    |
| 22  | 2710     | PF GLOBAL ABSOLUTE RETURN FUND                              | 19,840                                      | X                  |                    |                    |            | X                  |                    |
| 23  | 51       | Hoàng Xuân Quốc                                             | 326,528                                     | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 24  | 463      | Dương Quốc Hà                                               | 1,710,640                                   | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |



| STT | Mã<br>CD | TÊN CỔ ĐÔNG           | SỐ CỔ<br>PHIẾU CÓ<br>QUYỀN<br>BIỂU<br>QUYẾT | KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT |                    |                    |            |                    |                    |
|-----|----------|-----------------------|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|------------|--------------------|--------------------|
|     |          |                       |                                             | NỘI DUNG 1         |                    |                    | NỘI DUNG 2 |                    |                    |
|     |          |                       |                                             | Tán thành          | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành  | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến |
| 25  | 770      | Vũ Thị Lệ Xuân        | 5,220                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 26  | 1659     | Trần Quốc Tuấn        | 60                                          | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 27  | 1109     | Phạm Thị Huế          | 1,570                                       | X                  |                    |                    |            |                    | X                  |
| 28  | 510      | TRẦN QUỐC HUY         | 46,160                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 29  | 1274     | Lê Văn Tu             | 764                                         | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 30  | 1100     | Nguyễn Thị Huyền Chi  | 1,720                                       | X                  |                    |                    |            |                    | X                  |
| 31  | 1144     | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh    | 1,300                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 32  | 478      | Nguyễn Văn Thịnh      | 166,194                                     | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 33  | 899      | Nguyễn Văn Vũ         | 2,250                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 34  | 580      | Võ Quang Diệm         | 16,692                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 35  | 1391     | Đặng Anh Tuấn         | 390                                         | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 36  | 670      | Nguyễn Phạm Thảo Uyên | 9,010                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 37  | 1131     | Thảm Thành Đạt        | 1,450                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 38  | 470      | NGUYỄN THỊ KIM CHI    | 225,770                                     | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 39  | 519      | Bùi Thanh Bình        | 40,020                                      | X                  |                    |                    |            |                    | X                  |
| 40  | 1232     | Phan Minh Tịnh        | 1,000                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 41  | 763      | Đỗ Tiến Trình         | 5,564                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 42  | 1118     | Lê Chí Hào            | 1,500                                       | X                  |                    |                    |            |                    | X                  |



| STT | Mã<br>CD | TÊN CỎ ĐÔNG          | SỐ CỎ<br>PHIẾU CỎ<br>QUYỀN<br>BIỂU<br>QUYẾT | KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT |                    |                    |            |                    |                    |
|-----|----------|----------------------|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|------------|--------------------|--------------------|
|     |          |                      |                                             | NỘI DUNG 1         |                    |                    | NỘI DUNG 2 |                    |                    |
|     |          |                      |                                             | Tán thành          | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành  | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến |
| 43  | 836      | NGUYỄN VĂN BÁT       | 3,706                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 44  | 545      | Phạm Văn Huy         | 23,120                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 45  | 1023     | Tạ Quang Hùng        | 2,225                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 46  | 1502     | Trần Hữu Hùng        | 200                                         | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 47  | 251      | Vũ Văn Thiện         | 2,225                                       | X                  |                    |                    |            |                    | X                  |
| 48  | 628      | Phạm Quang Nguyên    | 11,128                                      | X                  |                    |                    |            |                    | X                  |
| 49  | 1037     | Đoàn Công Đức        | 2,225                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 50  | 587      | TRẦN THỊ BÍCH LỘC    | 15,800                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 51  | 71       | Uông Ngọc Hải        | 42,170                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 52  | 489      | Ngô Đức Nhân         | 82,124                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 53  | 66       | Nguyễn Thị Hà        | 54,447                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 54  | 58       | Nguyễn Ngọc Hải      | 75,374                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 55  | 69       | TRẦN QUANG MÃN       | 48,079                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 56  | 123      | Trần Quang Thiên     | 11,128                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 57  | 73       | Trần Quang Thiên     | 40,556                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 58  | 152      | Trịnh Việt Thắng     | 8,546                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 59  | 488      | Nguyễn Hữu Minh      | 82,844                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 60  | 90       | Lê Hồng Thanh Phương | 21,952                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |

| STT | Mã<br>CĐ | TÊN CỎ ĐÔNG       | SỐ CỎ<br>PHIẾU CÓ<br>QUYỀN<br>BIỂU<br>QUYẾT | KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT |                    |                    |            |                    |                    |
|-----|----------|-------------------|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|------------|--------------------|--------------------|
|     |          |                   |                                             | NỘI DUNG 1         |                    |                    | NỘI DUNG 2 |                    |                    |
|     |          |                   |                                             | Tán thành          | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành  | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến |
| 61  | 146      | Nguyễn Phi Long   | 9,200                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 62  | 126      | Đinh Hào Kiệt     | 10,860                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 63  | 160      | Lê Tiến Quyền     | 7,782                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 64  | 115      | Trần Duy Quân     | 13,150                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 65  | 615      | Nguyễn Xuân Ngọ   | 11,790                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 66  | 557      | Phạm Thành Tín    | 20,529                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 67  | 614      | Trương Văn Dũng   | 11,830                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 68  | 172      | Phạm Thị Thu Hiền | 6,100                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 69  | 80       | Trần Đăng Khoa    | 29,090                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 70  | 70       | Nguyễn Vĩnh Học   | 42,750                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 71  | 135      | Lê Thị Ngọc Lan   | 10,000                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 72  | 59       | Nguyễn Quang Minh | 75,182                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 73  | 161      | Lê Văn Tú         | 7,760                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 74  | 107      | Phan Thị Quỳnh    | 14,270                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 75  | 167      | Lê Quỳnh Trang    | 7,000                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 76  | 193      | Nguyễn Thị Duyên  | 5,000                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 77  | 91       | Nguyễn Chí Dũng   | 21,324                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 78  | 68       | Đặng Đại Bình     | 48,530                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |

| STT | Mã<br>CĐ | TÊN CỎ ĐÔNG         | SỐ CỎ<br>PHIẾU CÓ<br>QUYỀN<br>BIỂU<br>QUYẾT | KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT |                    |                    |            |                    |                    |
|-----|----------|---------------------|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|------------|--------------------|--------------------|
|     |          |                     |                                             | NỘI DUNG 1         |                    |                    | NỘI DUNG 2 |                    |                    |
|     |          |                     |                                             | Tán thành          | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành  | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến |
| 79  | 277      | Cao Thị Khánh Huyền | 1,200                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 80  | 217      | Trần Ngọc Hòa       | 3,000                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 81  | 134      | Châu Huỳnh Kỳ       | 10,070                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 82  | 137      | Công Việt Tiến      | 9,820                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 83  | 116      | Đường Minh Khôi     | 13,000                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 84  | 105      | Phạm Văn Tân        | 14,530                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 85  | 202      | Nguyễn Chí Tính     | 4,010                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 86  | 588      | Phạm Đăng Hoàng     | 15,620                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 87  | 602      | Ngô Thị Bích Ngọc   | 13,110                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 88  | 60       | Nguyễn Tri Phương   | 72,306                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 89  | 164      | Lê Minh Phúc        | 7,620                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 90  | 538      | Hoàng Thị Ngọc Yên  | 25,670                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 91  | 267      | Tô Chí Tâm          | 2,000                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 92  | 142      | Nguyễn Tấn Nam      | 9,340                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 93  | 110      | Đào Tiến Dũng       | 13,760                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 94  | 119      | Trần Quảng Hồng     | 12,280                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 95  | 111      | Võ Thị Bích Thoa    | 13,690                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 96  | 186      | Võ Thị Thúy Hồng    | 5,410                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |

| STT | Mã CD | TÊN CỎ ĐÔNG       | SỐ CỎ<br>PHIẾU CỎ<br>QUYỀN<br>BIỂU<br>QUYẾT | KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT |                    |                    |            |                    |                    |
|-----|-------|-------------------|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|------------|--------------------|--------------------|
|     |       |                   |                                             | NỘI DUNG 1         |                    |                    | NỘI DUNG 2 |                    |                    |
|     |       |                   |                                             | Tán thành          | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành  | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến |
| 97  | 127   | Hoàng Thị Yến     | 10,840                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 98  | 183   | Hà Thị Hợp        | 5,510                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 99  | 294   | Nguyễn Ngọc Quỳnh | 760                                         | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 100 | 140   | Võ Thị Bích Thảo  | 9,410                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 101 | 197   | Nguyễn Thị Hương  | 4,910                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 102 | 128   | Đỗ Đức Thao       | 10,330                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 103 | 81    | TRẦN VĂN TRUNG    | 27,060                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 104 | 185   | Chu Thị Bích Liên | 5,450                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 105 | 184   | Lê Thị Hằng       | 5,510                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 106 | 96    | Hồ Xuân Lan       | 16,450                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 107 | 141   | Phạm Thị Thu Tâm  | 9,380                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 108 | 198   | Đậu Thị Hường     | 4,910                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 109 | 145   | Lê Duy Mẫn        | 9,270                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 110 | 54    | Tô Thị Ngọc Hân   | 104,240                                     | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 111 | 72    | Đường Thị Thương  | 41,404                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 112 | 95    | Dương Thị Lan     | 18,990                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 113 | 121   | Phan Xuân Huy     | 11,130                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 114 | 98    | Phạm Thị Vân      | 16,190                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |

| STT | Mã<br>CD | TÊN CỎ ĐÔNG          | SỐ CỎ<br>PHIẾU CÓ<br>QUYỀN<br>BIỂU<br>QUYẾT | KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT |                    |                    | KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT |                    |                    |
|-----|----------|----------------------|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
|     |          |                      |                                             | NỘI DUNG 1         |                    |                    | NỘI DUNG 2         |                    |                    |
|     |          |                      |                                             | Tán thành          | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành          | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến |
| 115 | 177      | Vũ Đình Hữu          | 5,644                                       | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 116 | 103      | Vương Thị Thu Phương | 14,770                                      | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 117 | 291      | Vương Thị Thu Phương | 904                                         | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 118 | 176      | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 5,690                                       | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 119 | 99       | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 15,560                                      | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 120 | 187      | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 5,200                                       | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 121 | 171      | Nguyễn Thị Thùy Linh | 6,170                                       | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 122 | 155      | Võ Ngọc Tú           | 8,250                                       | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 123 | 74       | Trần Quốc Thạnh      | 37,450                                      | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 124 | 61       | Tôn Hoàng Dũ         | 71,698                                      | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 125 | 133      | Nguyễn Xuân Minh     | 10,100                                      | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 126 | 102      | Lại Duy Chính        | 14,850                                      | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 127 | 132      | Nguyễn Song Toàn     | 10,100                                      | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 128 | 62       | Hoàng Minh Chiến     | 62,330                                      | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 129 | 85       | Cao Hải Nam          | 23,590                                      | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 130 | 154      | Châu Hoàng Lân       | 8,280                                       | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 131 | 138      | Đinh Trọng Trí       | 9,820                                       | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 132 | 165      | Phan Đại Dương       | 7,470                                       | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |

| STT | Mã<br>CD | TÊN CỔ ĐÔNG            | SỐ CỔ<br>PHIẾU CÓ<br>QUYỀN<br>BIỂU<br>QUYẾT | KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT |                    |                    |            |                    |                    |
|-----|----------|------------------------|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|------------|--------------------|--------------------|
|     |          |                        |                                             | NỘI DUNG 1         |                    |                    | NỘI DUNG 2 |                    |                    |
|     |          |                        |                                             | Tán thành          | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành  | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến |
| 133 | 201      | Nguyễn Văn Khánh       | 4,090                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 134 | 215      | Nguyễn Văn Khánh       | 3,000                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 135 | 101      | Lê Phú Đông            | 15,000                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 136 | 147      | Trần Xuân Thái         | 9,100                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 137 | 156      | Trần Văn Dương         | 8,100                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 138 | 113      | Huỳnh Hữu Đức          | 13,300                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 139 | 97       | Trần Quốc Bảo          | 16,370                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 140 | 94       | Ngô Minh Hiếu          | 19,300                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 141 | 112      | Phạm Danh              | 13,580                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 142 | 130      | Đàng Công Luận         | 10,110                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 143 | 83       | Nguyễn Viết Toán       | 24,660                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 144 | 158      | Hà Lê Huy              | 8,000                                       | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 145 | 118      | Khương Hoàng Vĩnh Nghi | 12,300                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 146 | 125      | Trần Văn Xứ            | 10,980                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 147 | 362      | Lưu Hoài Nam           | 15                                          | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 148 | 89       | Trần Anh Chiến         | 22,120                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 149 | 117      | Trần Quốc Việt         | 12,730                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |
| 150 | 65       | Nguyễn Xuân Quyết      | 54,930                                      | X                  |                    |                    | X          |                    |                    |

| STT                                        | Mã<br>CĐ | TÊN CỔ ĐÔNG        | SỐ CỔ<br>PHIẾU CÓ<br>QUYỀN<br>BIỂU<br>QUYẾT | KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT |                    |                    |                    |                    |                    |
|--------------------------------------------|----------|--------------------|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
|                                            |          |                    |                                             | NỘI DUNG 1         |                    |                    | NỘI DUNG 2         |                    |                    |
|                                            |          |                    |                                             | Tán thành          | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành          | Không<br>tán thành | Không có<br>ý kiến |
| 151                                        | 606      | NGUYỄN TUẤN TRƯỜNG | 12,205                                      | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 152                                        | 601      | Đào Xuân Thiêm     | 13,210                                      | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 153                                        | 252      | Nguyễn Thị Lan     | 2,210                                       | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 154                                        | 498      | Trần Đức Thiện     | 60,558                                      | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 155                                        | 509      | Phạm Hữu Bắc       | 47,240                                      | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 156                                        | 555      | Kiều Ngọc Huyền    | 21,880                                      | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 157                                        | 783      | Lê Việt An         | 5,000                                       | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| 158                                        | 63       | Lê Tự Hiếu         | 56,417                                      | X                  |                    |                    | X                  |                    |                    |
| <b>TỔNG SỐ CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT</b> |          |                    | <b>235,548,899</b>                          | <b>235,548,899</b> | <b>-</b>           | <b>-</b>           | <b>231,908,541</b> | <b>3,582,195</b>   | <b>58,163</b>      |
| <b>TỶ LỆ</b>                               |          |                    | <b>81.8230%</b>                             | <b>81.8230%</b>    | <b>0.0000%</b>     | <b>0.0000%</b>     | <b>80.5585%</b>    | <b>1.2444%</b>     | <b>0.0202%</b>     |
| <b>SỐ PHIẾU BIỂU QUYẾT</b>                 |          |                    |                                             | <b>158</b>         | <b>0</b>           | <b>0</b>           | <b>143</b>         | <b>9</b>           | <b>6</b>           |

Số: 15/NQ-CPNT2

Nhon Trạch, ngày 30 tháng 6 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc: Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2) được sửa đổi lần thứ X, ban hành ngày 26/12/2017 theo Quyết định số 68/QĐ-CPNT2 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty;

Căn cứ tờ trình số 41/TTr-CPNT2-HĐQT ngày 20/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua việc: Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối – Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh;

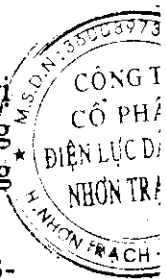
Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 23/CPNT2-BB-HĐQT ngày 30/6/2018 của PVPower NT2,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Thông qua các nội dung chia cổ tức và ký kết hợp đồng hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo cho các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 cụ thể như sau:

1. Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của PVPower NT2:
  - Tỷ lệ chi trả cổ tức: 27,92%/ mệnh giá, tương đương 2.792 đồng/01 cổ phiếu.
  - Nguồn chi trả cổ tức: Từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế giai đoạn từ ngày 20/06/2007 đến ngày 31/12/2015 của PVPower NT2;
  - Thời gian chi trả cổ tức: Hoàn thành chi trả cổ tức trong tháng 7/2018;
2. Thực hiện ký kết hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo cho các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với các nội dung chính như tờ trình số 41/TTr-CPNT2-HĐQT ngày 20/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

**Điều 2:** Giao Hội đồng quản trị chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Điều 1 Nghị quyết này.





**Điều 3:** Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Cổ đông;
- Lưu HĐQT, VT.



**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Uông Ngọc Hải**

